

Bản án số: 319/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phước Nhiều

Bà Lê Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phương – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 5/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3559/2023/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4281/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Hồng V, sinh năm 1975; Địa chỉ: B21xx – 32x K, phường G, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1972; Địa chỉ: B21xx – 32x K, phường G, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đặng Hồng V đều trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thành L kết hôn năm 2000 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2000, quyển số 01 ngày 15/6/2000; có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 22/11/2000 và Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 14/7/2004.

Quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ. Năm 2014, bà đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó để tạo điều kiện cho vợ chồng có cơ hội hàn gắn nên bà đã rút đơn ly hôn về. Tuy nhiên dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có hiệu quả, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến hoặc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo. Đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.*

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không có ý kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Đặng Hồng V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Thành L cư trú tại B21xx – 32x K, phường G, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2000, quyển số 01 ngày 15 tháng 6 năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[5] Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công

việc trong gia đình. Cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà V đã từng nộp đơn xin ly hôn vào năm 2014 nhưng sau đó để tạo điều kiện cho vợ chồng có cơ hội hàn gắn nên bà đã rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, từ đó đến nay, mặc dù bà V và ông L sống chung với nhau nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, không còn tình cảm vợ chồng là đã có sự vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ, chồng làm cho tình cảm vợ chồng không được hàn gắn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông L, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà V giao nộp cho Tòa án, nhiều lần triệu tập ông L đến Tòa án làm việc để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà V cũng như tiến hành thông báo để ông L đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do. Việc ông L không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm chứng tỏ ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ.

[6] Xét thấy, lời khai của bà V về gia đình bà có mâu thuẫn, không có hạnh phúc gia đình là có cơ sở. Hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về con chung: Quá trình chung sống, bà V và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 22/11/2000 và Nguyễn Hoàng L1, sinh ngày 14/7/2004. Các con đều đã trưởng thành và bà V không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng V

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Hồng V được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

2. Về án phí: Bà Đặng Hồng V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2022/0018278 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Hồng V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương